

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN GIẢI PHÁP NGUỒN LỰC NHÂN VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN GIẢI PHÁP NGUỒN LỰC NHÂN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAN VIET RESOURCES SOLUTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NHAN VIET RESOURCES SOLUTION CONSULTING ...,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108345024

**3. Ngày thành lập:** 02/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 79, phố Đại An, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế kiến trúc công trình;<br>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>- Thiết kế kết cấu công trình;<br>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>- Thiết kế cấp - thoát nước;<br>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Khảo sát địa hình;<br>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình.<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ<br>- Thẩm định thiết kế xây dựng công trình<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn quản lý dự án<br>- Kiểm định xây dựng<br>- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;<br>- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy.<br>- Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng<br>- Dịch vụ tư vấn đấu thầu | 7110     |
| 2.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4100     |

|     |                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 3.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi Tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810        |
| 4.  | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                        | 8129        |
| 5.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                 | 7830(Chính) |
| 6.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                              | 5610        |
| 7.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                    | 7820        |
| 8.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                         | 8121        |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                | 6619        |
| 10. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                  | 5510        |
| 11. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                         | 8130        |
| 12. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                         | 8211        |
| 13. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                          | 5629        |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                | 7410        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                     | 4210        |
| 16. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                  | 4220        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                    | 4290        |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                       | 5630        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                             | 4312        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                         | 4321        |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                               | 4322        |
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                | 4330        |
| 23. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                | 7911        |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                  | 7920        |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                        | 4311        |
| 26. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                | 4329        |
| 27. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                           | 4390        |
| 28. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                         | 7912        |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                           | 4931        |
| 30. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                 | 5621        |
| 31. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                              | 4932        |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                | 4933        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ MẠNH PHÚC      | Phòng 1209 tầng 12, chung cư CT1 Vinaconex, tổ dân phố 17, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 035081001428                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                                           | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGÔ THỊ THU TRANG | Số 131, Khu A1, đường Hữu Nghị, Thị trấn Cổ Lễ, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                                  | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 162763361                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                           | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VIỆT THẮNG | Số nhà 118, Ngõ 136 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 001082017738                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                                           | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | HOÀNG TUẤN NINH   | Số 52, Ngõ 554, đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 012042289                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                           | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ MẠNH PHÚC**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *12/12/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *035081001428*

Ngày cấp: *11/01/2017*

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 1209 tầng 12, chung cư CT1 Vinaconex, tổ dân phố 17, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 1209 tầng 12, chung cư CT1 Vinaconex, tổ dân phố 17, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*